

TÍCH HỢP GIÁO DỤC VÌ SỰ PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG TRONG GIÁO DỤC ĐẠI HỌC: TỪ NHẬN THỨC ĐẾN HÀNH ĐỘNG

Doãn Hoàng Mai - Lê Phương Giang

Khoa Tiếng Anh chuyên ngành, Trường Đại học Hà Nội.

Email: maids@hanu.edu.vn, gianglp@hanu.edu.vn.

Tóm tắt: Giáo dục vì sự phát triển bền vững (ESD) được xác định là nền tảng quan trọng để chuẩn bị cho sinh viên không chỉ kiến thức chuyên môn mà còn những kỹ năng và phẩm chất cần thiết cho một lối sống bền vững. Trong giáo dục đại học, ESD càng có ý nghĩa khi gắn liền với sứ mệnh đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao, có khả năng nghiên cứu, đổi mới sáng tạo và dẫn dắt cộng đồng trong tiến trình phát triển bền vững. Bài viết phân tích cơ sở lý luận của ESD trong bậc đại học, đánh giá thực trạng triển khai ở Việt Nam, đồng thời đề xuất hệ thống giải pháp toàn diện nhằm tích hợp ESD vào nhà trường. Các giải pháp bao gồm: thiết kế chương trình đào tạo gắn với SDGs, đổi mới phương pháp dạy - học, phát triển học liệu và hạ tầng số, nâng cao năng lực giảng viên, gắn kết đại học - doanh nghiệp - cộng đồng và hoàn thiện chính sách quản lý. Kết quả nghiên cứu khẳng định ESD trong bậc đại học không chỉ là xu thế tất yếu mà còn là động lực đổi mới, góp phần hiện thực hóa các mục tiêu phát triển bền vững của Việt Nam.

Từ khóa: Giáo dục vì sự phát triển bền vững, giáo dục đại học, phát triển bền vững, công dân toàn cầu, chương trình đào tạo.

Nhận bài: 06/12/2025; Biên tập: 07/12/2025; Phản biện: 12/12/2025; Duyệt đăng: 19/12/2025.

1. Đặt vấn đề

Thế kỷ XXI, nhân loại phải đối mặt với hàng loạt vấn đề toàn cầu mang tính hệ thống như biến đổi khí hậu, suy giảm tài nguyên thiên nhiên, ô nhiễm môi trường, đại dịch, mâu thuẫn xã hội, khoảng cách giới, chênh lệch giàu nghèo, cùng với các cuộc khủng hoảng về năng lượng và an ninh lương thực. Những thách thức này không chỉ ảnh hưởng đến phát triển kinh tế - xã hội mà còn đe dọa trực tiếp đến chất lượng sống và sự tồn vong của con người. Khái niệm phát triển bền vững, lần đầu được phổ biến rộng rãi qua báo cáo Our Common Future (Brundtland, 1987), xoay quanh nguyên lý phát triển đáp ứng nhu cầu hiện tại nhưng không đánh đổi khả năng đáp ứng nhu cầu của các thế hệ mai sau.

Trong tiến trình giải quyết các vấn đề toàn cầu, giáo dục được xem là “chìa khóa của sự thay đổi”. Giáo dục đại học đóng vai trò chiến lược trong việc đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao, có năng lực nghiên cứu, đổi mới sáng tạo, ra quyết định và dẫn dắt cộng đồng. Các trường đại học là trung tâm truyền thụ tri thức, nghiên cứu, đổi mới sáng tạo và lan tỏa giá trị xã hội. Do đó, việc tích hợp Giáo dục vì sự phát triển bền vững (ESD) vào bậc đại học là yêu cầu cấp thiết, phù hợp với xu thế quốc tế và định hướng phát triển của Việt Nam.

Trên thế giới, ESD được Liên Hợp Quốc khẳng định là công cụ thiết yếu để thực hiện 17 Mục tiêu Phát triển bền vững (SDGs). UNESCO (2020) nhấn mạnh giáo dục đại học cần “tái định hình” chương trình, phương pháp và sứ mệnh để chuẩn bị cho thế hệ trẻ năng lực ứng phó với các thách thức toàn cầu. Ở Việt Nam, các văn bản chính sách như Nghị quyết 29-NQ/TW (2013) và Chiến lược phát triển

giáo dục 2021 - 2030, tầm nhìn 2045 đã nhấn mạnh nhiệm vụ phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao gắn với mục tiêu phát triển bền vững quốc gia. Mặc dù một số trường đại học tiên phong đã bắt đầu lồng ghép ESD, nhưng việc triển khai nhìn chung còn mang tính thử nghiệm, phân tán, thiếu khung hướng dẫn chung và chưa trở thành định hướng chiến lược đồng bộ.

Thực tiễn chỉ ra rằng nhiều sinh viên đại học có nhận thức tốt về các vấn đề môi trường và xã hội, nhưng hành vi bền vững trong học tập, nghiên cứu và đời sống hàng ngày chưa rõ nét. Nhiều giảng viên thiếu đào tạo đầy đủ về ESD, dẫn đến hạn chế trong việc lồng ghép nội dung phát triển bền vững vào giảng dạy. Thêm vào đó, thiếu hụt học liệu số, thiết bị trực quan và cơ chế chính sách hỗ trợ cũng là rào cản lớn.

Chính vì vậy, việc nghiên cứu và đề xuất giải pháp tích hợp ESD vào giáo dục đại học là yêu cầu cấp thiết, nhằm: Làm rõ cơ sở lý luận của ESD trong giáo dục đại học. Phân tích thực trạng triển khai ESD ở Việt Nam. Đề xuất giải pháp tích hợp khả thi, giúp chuyển từ “nhận thức” sang “hành động” trong các trường đại học.

2. Nội dung nghiên cứu

2.1. Cơ sở lý luận về ESD trong giáo dục đại học

Trong giáo dục đại học, ESD, theo cách hiểu của UNESCO (2005), không đơn thuần là một môn học. Nó là một triết lý giáo dục xuyên suốt, hướng tới việc xây dựng cho sinh viên một hành trình học tập vững bền. Hành trình này trang bị cho họ một bộ công cụ toàn diện gồm tri thức, kỹ năng mềm, giá trị sống và thái độ tích cực, giúp họ trở thành những công dân có năng lực ra quyết định sáng suốt và hành động

thiết thực vì một tương lai chung bền vững. Bản chất của ESD trong giáo dục đại học là tái cấu trúc toàn bộ cách tiếp cận giảng dạy, học tập và nghiên cứu, hướng tới một mô hình đào tạo lấy phát triển bền vững làm trung tâm, không chỉ đơn thuần là bổ sung nội dung liên quan đến môi trường hay xã hội.

ESD mang tính liên ngành, xuyên ngành vì các thách thức của phát triển bền vững (biến đổi khí hậu, nghèo đói, bất bình đẳng) không thể giải quyết bằng một chuyên ngành riêng lẻ. Do đó, giáo dục đại học phải khuyến khích sinh viên tiếp cận tri thức từ nhiều lĩnh vực, hình thành tư duy hệ thống, năng lực giải quyết vấn đề phức hợp và tinh thần trách nhiệm công dân toàn cầu.

Việc tích hợp ESD vào giáo dục đại học đòi hỏi một cách tiếp cận toàn diện, phản ánh đầy đủ ba trụ cột của phát triển bền vững. Về mặt môi trường, các chương trình đào tạo cần chú trọng trang bị kiến thức về bảo tồn tài nguyên, công nghệ sạch và giảm thiểu tác động sinh thái, chẳng hạn như đưa các mô-đun về năng lượng tái tạo vào chương trình kỹ thuật. Trên phương diện xã hội, nhà trường cần tạo cơ hội để sinh viên phát triển ý thức về công bằng, nhân quyền và trách nhiệm cộng đồng thông qua các dự án tình nguyện hay hợp tác quốc tế. Cuối cùng, trụ cột kinh tế đặt ra yêu cầu phải hướng dẫn sinh viên về các mô hình kinh tế tuần hoàn, tinh thần khởi nghiệp sáng tạo và đạo đức nghề nghiệp, nhằm thúc đẩy một nền kinh tế tăng trưởng nhưng không hy sinh sự bền vững lâu dài.

Để thực hiện hiệu quả ESD, Wiek, Withycombe và Redman (2011) đã đề xuất một khung năng lực cốt lõi, có thể được nhóm thành ba nhóm chính phù hợp với giáo dục đại học: (i) Nhóm năng lực nhận thức và tư duy, bao gồm khả năng phân tích hệ thống toàn diện và dự báo các kịch bản tương lai; (ii) Nhóm năng lực hành động và ra quyết định, thể hiện qua việc vận dụng các chuẩn mực đạo đức vào thực tế và khả năng lên kế hoạch, thực thi các chiến lược phát triển bền vững; và (iii) Nhóm năng lực tương tác và thích ứng, gồm kỹ năng hợp tác, giao tiếp trong môi trường đa văn hóa và năng lực tự phản ánh, điều chỉnh bản thân để học hỏi không ngừng.

Những năng lực này phù hợp với bối cảnh giáo dục đại học, nơi sinh viên cần kỹ năng mềm, giá trị nhân văn và khả năng ứng phó linh hoạt với biến động toàn cầu, ngoài kiến thức chuyên môn. Trên thế giới, các trường đại học thúc đẩy ESD thông qua ba sứ mệnh: Đào tạo (tích hợp ESD vào chương trình), Nghiên cứu (tạo ra tri thức và công nghệ phục vụ phát triển bền vững) và Phục vụ cộng đồng (hợp tác trong các dự án SDGs).

2.2. Thực trạng triển khai ESD trong giáo dục đại học ở Việt Nam

Chính sách và định hướng quốc gia: Việt Nam đã cam kết với mục tiêu phát triển bền vững thông

qua Nghị quyết số 29-NQ/TW (2013) và Chiến lược phát triển giáo dục 2021 - 2030, tầm nhìn 2045, khẳng định định hướng hiện đại hóa, hội nhập quốc tế và gắn kết giáo dục đại học với SDGs. Dù đã có những cam kết và định hướng rõ ràng, một thách thức lớn là các chính sách này vẫn chưa được chuyển hóa thành một bộ khung tiêu chuẩn chi tiết và thống nhất dành riêng cho cấp đại học. Hệ quả là việc thực hiện ESD trên thực tế tại các trường thường diễn ra không đồng đều, thiếu sự kết nối và phụ thuộc nhiều vào quan điểm cũng như nguồn lực nội tại của từng cơ sở đào tạo. Điều này dẫn đến quá trình triển khai thiếu đồng bộ và manh mún, phụ thuộc vào nhận thức và nguồn lực của từng trường.

2.2.1. Triển khai trong chương trình đào tạo: Tại một số cơ sở giáo dục đại học, việc đưa các nội dung về phát triển bền vững vào chương trình giảng dạy đã bắt đầu được chú trọng. Chẳng hạn, Đại học Quốc gia Hà Nội giảng dạy các môn học liên ngành như “Kinh tế học bền vững” và “Môi trường và Phát triển”. Trong khi đó, Đại học Bách khoa Hà Nội tích hợp các học phần về kỹ thuật môi trường, năng lượng tái tạo và phát triển bền vững vào nhiều chương trình đào tạo kỹ thuật. Các trường như Đại học Huế và Đại học Đà Nẵng cũng tích cực hợp tác quốc tế để thí điểm các dự án ESD. Trường Đại học Hà Nội tích hợp môn học “Capstone based learning” (Học tập theo dự án) vào chương trình học của Khoa Quản trị Kinh doanh giúp sinh viên rèn luyện kỹ năng giải quyết vấn đề và làm việc nhóm và xây dựng môn học “Sustainability” để triển khai giảng dạy. Đại học Hà Nội (HANU CIE) thực hiện chương trình Tập huấn “Khởi nghiệp lĩnh vực Du lịch bền vững” miễn phí cho sinh viên trên địa bàn Hà Nội. Nhà trường tổ chức Vòng chung kết Cuộc thi “Khởi nghiệp lĩnh vực Du lịch bền vững”. Đáng chú ý, việc nghiên cứu về ESD cũng được thực hiện bởi các giảng viên thuộc Khoa Tiếng Anh chuyên ngành, Trường Đại học Hà Nội, cho thấy sự quan tâm của trường đối với chủ đề này. Dù có những tín hiệu tích cực ban đầu, phần lớn hoạt động này vẫn mang tính chất lỏng lẻo ghép đơn lẻ, rời rạc, chưa hình thành được một chương trình đào tạo chính quy hay một bộ chuẩn đầu ra cụ thể về các năng lực ESD. Sự thiếu vắng một hướng dẫn chi tiết từ cấp Bộ đã khiến cho quá trình tích hợp diễn ra một cách tự phát và gây khó khăn cho công tác đánh giá hiệu quả thực chất.”

2.2.2. Hoạt động nghiên cứu và phục vụ cộng đồng: Trong những năm gần đây, nhiều đề tài nghiên cứu khoa học liên quan đến bảo vệ môi trường, phát triển năng lượng sạch và xây dựng đô thị bền vững đã được triển khai tại các cơ sở giáo dục đại học, qua đó góp phần mở rộng nhận thức học thuật và tăng cường trách nhiệm xã hội của giảng viên, sinh viên. Song song với đó, các

hoạt động phục vụ cộng đồng và phong trào tình nguyện của sinh viên, điển hình như chương trình “Ngày Chủ nhật xanh”, đã tạo ra những tác động tích cực trong việc hình thành ý thức bảo vệ môi trường và lối sống bền vững. Tuy nhiên, các hoạt động này nhìn chung vẫn được tổ chức theo hướng rời rạc, mang tính phong trào, chưa được thiết kế như một bộ phận hữu cơ của chương trình đào tạo chính khóa, cũng như chưa gắn kết chặt chẽ với định hướng và chiến lược phát triển bền vững dài hạn của nhà trường. Điều này đặt ra yêu cầu cần có các giải pháp mang tính hệ thống nhằm tăng cường sự liên thông giữa hoạt động nghiên cứu, phục vụ cộng đồng và mục tiêu giáo dục vì sự phát triển bền vững trong giáo dục đại học.

2.2.3. Năng lực giảng viên và nhận thức sinh viên: Một rào cản đáng kể được chỉ ra là sự thiếu hụt trong đào tạo chuyên môn về ESD cho đội ngũ giảng viên. Trong khi nhận thức về tầm quan trọng của ESD là khá phổ biến, nhiều giảng viên vẫn cảm thấy chưa tự tin hoặc lúng túng khi phải lồng ghép các nội dung phát triển bền vững vào bài giảng, do chưa được trang bị một cách có hệ thống cả về kiến thức nền tảng lẫn phương pháp sư phạm phù hợp. Về phía người học, sinh viên ngày càng quan tâm đến các vấn đề môi trường và xã hội, nhưng nhận thức đó chưa chuyển hóa thành những hành vi cụ thể, thường xuyên trong đời sống.

Những thách thức chính: Việc triển khai ESD tại Việt Nam đối mặt với thách thức lớn nhất là thiếu vắng khung chuẩn quốc gia, dẫn đến thiếu hướng dẫn cụ thể về nội dung và chuẩn đầu ra. Chương trình đào tạo còn thiên về lý thuyết. Đội ngũ giảng viên thiếu đào tạo bài bản và thiếu học liệu. Hạ tầng và nguồn lực còn hạn chế và mối liên kết giữa đại học, doanh nghiệp, xã hội trong các dự án ESD vẫn còn lỏng lẻo.

Đánh giá khái quát: Việt Nam đã có những bước khởi đầu nhưng nỗ lực vẫn chủ yếu dừng lại ở cấp độ nhận thức và thí điểm. Khoảng cách từ nhận thức đến hành động cụ thể vẫn còn lớn, đòi hỏi một hệ thống giải pháp toàn diện, đồng bộ và khả thi.

2.3. Giải pháp tích hợp ESD vào giáo dục đại học

Giải pháp căn cơ nhất là xây dựng và chuẩn hóa các chuẩn đầu ra về năng lực ESD cho sinh viên, bao trùm cả ba khía cạnh môi trường, xã hội và kinh tế. Để đạt được chuẩn đầu ra này, các trường có thể linh hoạt áp dụng nhiều phương thức tích hợp khác nhau: từ việc đưa vào một môn học bắt buộc chuyên biệt (ví dụ: “Nhập môn Phát triển Bền vững và Trách nhiệm Công dân Toàn cầu”), đến lồng ghép có chủ đích vào các môn học truyền thống (như thêm chuyên đề về thiết kế sinh thái vào môn Kiến trúc, hoặc thảo luận về đạo đức kinh doanh xanh trong môn Quản trị). Cao hơn nữa, có thể phát triển các chương trình đào tạo liên ngành mới (ví dụ: Cử nhân Kinh tế Phát triển Bền vững),

kết hợp tri thức từ nhiều lĩnh vực để giải quyết các vấn đề phức tạp trong thực tiễn.

2.3.1. Đổi mới phương pháp dạy - học: ESD đòi hỏi phương pháp dạy - học tích cực, lấy người học làm trung tâm và gắn với bối cảnh thực tiễn. Các phương pháp phù hợp bao gồm: Học tập theo dự án (Project-based learning - PBL): Sinh viên tham gia dự án thực tế (ví dụ: thiết kế mô hình năng lượng tái tạo) để rèn luyện kỹ năng giải quyết vấn đề và làm việc nhóm. Học tập phục vụ cộng đồng (Service-learning): Liên kết kiến thức học thuật với hoạt động phục vụ cộng đồng (ví dụ: tư vấn khởi nghiệp xanh) nhằm phát triển trách nhiệm xã hội. Nghiên cứu hành động (Action research): Sinh viên cùng giảng viên tiến hành nghiên cứu nhỏ trong cộng đồng để đưa ra giải pháp cải thiện thực tiễn. Ứng dụng công nghệ số: Sử dụng e-learning, mô phỏng ảo, Big Data, AI để giúp sinh viên tiếp cận các kịch bản phát triển bền vững và phân tích dữ liệu môi trường, xã hội.

2.3.2. Phát triển học liệu và hạ tầng số: Cần đầu tư vào việc biên soạn giáo trình, học liệu số về ESD bằng tiếng Việt có tham khảo tài liệu quốc tế. Xây dựng kho học liệu mở (OER) và phát triển thư viện số đa ngành. Trang bị các phòng thí nghiệm xanh, trung tâm đổi mới sáng tạo, không gian học tập mở gắn với công nghệ số.

2.3.3. Nâng cao năng lực giảng viên: Giảng viên là nhân tố quyết định. Cần triển khai tập huấn, bồi dưỡng thường xuyên về kiến thức ESD và phương pháp sư phạm tích cực. Khuyến khích giảng viên tham gia nghiên cứu, hội thảo quốc tế và xây dựng cộng đồng học thuật ESD. Nhà trường cần có chính sách động viên, hỗ trợ tài chính cho giảng viên tích cực đổi mới giảng dạy ESD.

Hợp tác đại học - doanh nghiệp - xã hội: Mối liên kết chặt chẽ giữa nhà trường, doanh nghiệp và cộng đồng là chất xúc tác quan trọng cho ESD. Với doanh nghiệp, hợp tác có thể diễn ra thông qua các chương trình thực tập/kiến tập chuyên sâu về kinh tế tuần hoàn, hoặc cùng thành lập phòng thí nghiệm/trung tâm nghiên cứu chung để giải quyết các vấn đề như xử lý chất thải, tiết kiệm năng lượng. Với cộng đồng, nhà trường có thể tổ chức các dự án “học tập phục vụ cộng đồng” (service-learning) có tính hệ thống, ví dụ như sinh viên ngành Nông nghiệp hỗ trợ xây dựng mô hình nông nghiệp hữu cơ cho hợp tác xã địa phương, vừa ứng dụng kiến thức vừa đóng góp thiết thực.

2.3.4. Hoàn thiện chính sách và quản lý: Công tác hoàn thiện chính sách và quản lý cần tập trung vào việc tạo ra các đòn bẩy cụ thể để thúc đẩy ESD từ cấp vĩ mô. Một bước đi then chốt là thiết lập một Khung chuẩn quốc gia thống nhất, quy định rõ các yêu cầu, nội dung và chuẩn đầu ra về ESD trong giáo dục đại học. Khung chuẩn này sẽ trở nên hiệu lực khi ESD được lồng ghép chặt chẽ vào các tiêu

chí đánh giá chất lượng bắt buộc của các cơ quan kiểm định. Để huy động nguồn lực xã hội, Nhà nước cần thiết kế những cơ chế tài chính linh hoạt (như quỹ hỗ trợ, đối tác công-tư) nhằm thu hút doanh nghiệp đồng hành cùng các trường đại học trong các dự án ESD. Song song đó, một chính sách quốc tế hóa chủ động sẽ mở ra cánh cửa hợp tác với các tổ chức và đại học hàng đầu thế giới, qua đó tiếp thu kinh nghiệm và nâng tầm cho các sáng kiến ESD trong nước.

3. Kết luận

Giáo dục vì sự phát triển bền vững (ESD) trong bậc đại học là yêu cầu cấp bách của Việt Nam trong bối cảnh hội nhập quốc tế và trước những thách thức toàn cầu. Mặc dù đã có những bước đi đầu tiên, việc tích hợp ESD ở Việt Nam vẫn mang tính cục bộ, chưa đồng bộ và thiếu khung hướng dẫn quốc gia.

Các giải pháp đề xuất tập trung vào việc thiết kế chương trình, đổi mới phương pháp giảng dạy, phát triển học liệu, nâng cao năng lực giảng viên và tăng cường hợp tác. Thách thức lớn nhất hiện nay là thu hẹp khoảng cách giữa điều sinh viên biết và điều họ làm. Do đó, mọi giải pháp cần hướng tới việc biến ESD thành một quy trình chuyển đổi hành vi có thể quan sát và đánh giá được trong đời sống học thuật lẫn cá nhân của người học. Điều này nhằm biến ESD thành một lực lượng tác động trực tiếp đến nhận thức, kỹ năng và hành vi của người học, góp phần hiệu quả vào tiến trình phát triển bền vững của đất nước.

Để hiện thực hóa ESD trong giáo dục đại học Việt Nam, cần có các khuyến nghị đồng bộ: Bộ Giáo dục và Đào tạo cần ban hành khung chuẩn quốc gia về ESD và đưa tiêu chí ESD vào hệ thống kiểm định chất lượng. Các trường đại học cần tích hợp ESD vào chương trình cả chính khóa và ngoại khóa, đầu tư phát triển học liệu số và mô hình “Đại học xanh”. Giảng viên cần tích cực bồi dưỡng, nghiên cứu và

đổi mới phương pháp giảng dạy theo hướng liên ngành, dự án và phục vụ cộng đồng. Sinh viên cần phát triển kỹ năng tự học, nghiên cứu và thực hành lối sống bền vững. Doanh nghiệp và cộng đồng cần hợp tác với đại học trong nghiên cứu và hỗ trợ tài chính, công nghệ cho các sáng kiến ESD. Việc thực hiện đồng bộ các khuyến nghị này sẽ giúp ESD trở thành động lực quan trọng trong đổi mới giáo dục đại học ■

Tài liệu tham khảo

- [1]. Brundtland, G. H. (1987). *Our Common Future*. Oxford: Oxford University Press.
- [2]. Chính phủ. (2013). *Nghị quyết số 29-NQ/TW về đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo*. Hà Nội.
- [3]. UNESCO. (2005). *United Nations Decade of Education for Sustainable Development 2005-2014: International Implementation Scheme*. Paris: UNESCO.
- [4]. UNESCO. (2017). *Education for Sustainable Development Goals: Learning Objectives*. Paris: UNESCO Publishing.
- [5]. UNESCO. (2020). *ESD for 2030: Roadmap*. Paris: UNESCO Publishing.
- [6]. United Nations (2015). *Transforming our world: The 2030 Agenda for Sustainable Development*. New York: UN.
- [7]. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2021). *Chiến lược phát triển giáo dục 2021 - 2030, tầm nhìn 2045*. Hà Nội.
- [8]. Jacoby, B. (2014). *Service-learning essentials: Questions, answers, and lessons learned*. San Francisco: Jossey-Bass.
- [9]. Tilbury, D. (2011). *Education for Sustainable Development: An Expert Review of Processes and Learning*. Paris: UNESCO.
- [10]. Thomas, J. W. (2000). *A review of research on project-based learning*. San Rafael, CA: Autodesk Foundation.

Integrating education for sustainable development in higher education: From awareness to action

Doan Hoang Mai - Le Phuong Giang

Faculty of Specialized English, Hanoi University
Email: maith@hanu.edu.vn, gianglp@hanu.edu.vn.

Abstract: Education for sustainable development (ESD) plays a pivotal role in shaping a generation of students not only with professional knowledge but also with the skills and qualities necessary for a sustainable lifestyle. In higher education, ESD is even more significant as it is linked to the mission of training high-quality human resources capable of doing research, making innovative change, and leading the community in the process of sustainable development. This article analyzes the theoretical basis of ESD in higher education, evaluates the implementation status in Vietnam, and proposes a comprehensive system of solutions to integrate ESD into universities. The proposed solutions include: designing training programs linked to SDGs, innovating teaching and learning methods, developing learning resources and digital infrastructure, enhancing lecturer capacity, connecting universities - businesses - communities, and perfecting management policies. The research results affirm that ESD in higher education is not only an inevitable trend but also a driving force for innovation, contributing to the realization of Vietnam's sustainable development goals.

Keywords: Education for sustainable development, higher education, sustainable development, global citizen, training program.